

Bản án số: 116/2018/DS-PT
Ngày: 10-5-2018
V/v Tranh chấp về dân sự quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21/3/2018, 19/4/2018, 10/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2017/TLPT-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp về dân sự quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2018/QĐ-PT, ngày 21 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Huỳnh Thị Y, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Long T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

1.2 Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1961;

1.3 Huỳnh Văn Q, sinh năm 1963 (có mặt);

1.4 Huỳnh Thị T1, sinh năm 1964;

1.5 Huỳnh Quốc T2, sinh năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Phú T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

1.6 Huỳnh Thị Hạnh Đ, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp B, xã Phú A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

1.7 Huỳnh Đình Kim S, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp B, xã Phú A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y, bà T1, bà S là ông Huỳnh Quốc T2, sinh năm 1969 (Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2016).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, bà T là ông Huỳnh Văn Qu, sinh năm 1963 (văn bản ủy quyền ngày 11/01/2016).

2. Bị đơn: Huỳnh Văn S (Bé N), sinh năm 1950 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Phú B, xã Phú T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1952(vắng mặt);

3.2 Chị Võ Thị Thúy D, sinh năm 1979(vắng mặt);

3.3 Chị Võ Thị Ngọc T4, sinh năm 1982(vắng mặt);

3.4 Chị Võ Thị Huỳnh G, sinh năm 1985(vắng mặt);

3.5 Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 2005(vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của anh V: Là chị T4, sinh năm 1982 là mẹ ruột.

3.6 Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1958 (vợ ông Sơn);

3.7 Chị Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1980 (con ông Sơn);

3.8 Chị Huỳnh Thị Thu T5, sinh năm 1987 (con ông Sơn);

3.9 Chị Huỳnh Thị Bé H1, sinh năm 1991 (con ông Sơn)

Cùng cư trú tại: ấp Phú B, xã Phú T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K, chị H, chị T5, chị H1: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1950 (có mặt)(Văn bản ủy quyền 08/3/2016).

4. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Huỳnh Văn Q và Huỳnh Văn T2(đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà Y, bà T, bà T1, bà Đ, bà S) trình bày:

Nguồn gốc đất của ông bà nội Huỳnh Văn K, Phạm Thị K, ông bà nội có con là ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn P. Ông bà nội có đất ruộng, đất làm rẫy, đất vườn tạp. Đất ruộng, đất rẫy ông bà đã chia cho các con xong. Năm 1966 ông nội chết; đến năm 1976 bà nội chia đất vườn tạp tiếp cho ông N chiều ngang 12,4m, chiều dài tính từ lộ làng trở vào phía trong đồng khoảng 200m, giáp đất ông Huỳnh Văn T (chết) con là Huỳnh Văn H, ông P chiều ngang 12,4m, chiều dài tính từ lộ làng trở vào phía trong đồng khoảng 200m, giáp đất ông Nguyễn Văn N, ông N, ông P nhận đất xong.

Còn phần đất chiều ngang 24,8m tính từ lộ làng trở ra sông Cửu Long bà nội chia cho ông N chiều ngang 12,4m, chiều dài từ lộ làng trở ra sông Cửu Long giáp đất ông Huỳnh Văn T; ông P chiều ngang 12,4m, chiều dài từ lộ làng ra sông Cửu Long giáp đất ông Nguyễn Văn N. Bà nội chia đất xong cha ông chưa sử dụng cho ông Phan Hoàng G thuê để vật liệu xây dựng, trong khoảng thời gian này ông Huỳnh Văn S con ông N hỏi cất chuồng nuôi heo, hiện nay ông S không còn nuôi heo mà không trả lại đất.

Nay bà Y, bà T, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S yêu cầu ông S di dời chuồng heo và các vật kiến trúc khác ra khỏi đất trả lại diện tích 170m², thuộc thửa số 335, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Phú T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn ông Huỳnh Văn S (cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Ngọc H, chị Huỳnh Thị Thu T5, chị Huỳnh Thị Bé H1) trình bày:

Ông nội Huỳnh Văn K, bà nội Phạm Thị K, ông bà nội có con ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn P. Ông bà nội có đất ruộng, đất làm rẫy, đất vườn tạp.

Chia cho ông N hơn 21 công đất ruộng, hơn 10 công đất làm rẫy, bà L hơn 10 công đất ruộng, đất làm rẫy không biết bao nhiêu, bà P hơn 10 công đất ruộng, hơn 03 công đất làm rẫy, ông P không biết đất ruộng, đất làm rẫy bao nhiêu. Đất vườn tạp chia tiếp cho ông N chiều ngang 12,4m, chiều dài tính từ lộ làng trở vào phía trong đồng khoảng 200m giáp đất ông Huỳnh Văn T, ông P chiều ngang 12,4m, chiều dài tính từ lộ làng trở vào phía trong đồng khoảng 200m, ông N, ông P nhận đất xong.

Đối với phần đất chiều ngang 24,8m tính từ lộ làng trở ra sông Cửu Long, giáp đất ông T và ông N, ông bà nội cho hết ông N, cha ông cất nhà năm 1958 đến năm 1980 đất sạt lở, dời nhà vào phía trong để lại phần đất này ông sử dụng cho đến nay. Năm 1993 ông Phan Hoàng G hỏi thuê, nhưng ông cho mượn khi nào cần trả lại, các lần chia đất chỉ nói miệng không làm giấy tờ.

Nay ông S cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà K, chị H, chị T5, chị H1 thay đổi, yêu cầu công nhận diện tích 186m², thuộc thửa 335, tờ bản đồ

số 8, đất tại xã Phú T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp cho ông và buộc bà Y, bà T, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S di dời các mô tơ gắn liền ống nước, cây trồng và các tài sản khác ra khỏi đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T3: Trong hồ sơ hòa giải của địa phương có tờ xác nhận của bà T3 ngày 15/7/2015 trình bày vào năm 1996 bà có hỏi anh Sáu P để di dời nhà bếp qua bên hong nhà, có phạm qua đất của anh Sáu chiều ngang hơn 01m, chiều dài từ đường xuống sông.

Bản án sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 30/9/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2018/QĐ-SCBSBA ngày 09/02/2018 của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Y, bà T, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S.

Buộc ông S, bà K, chị H, chị Thảo, chị H1 trả lại cho bà Y, bà T, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S diện tích 170m², thuộc thửa số 335, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Phú T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp và di dời chuồng heo, các cây trồng, cát và các tài sản khác ra khỏi đất.

Vị trí như sau:

+ Hướng đông giáp sông Cửu Long 11,4m (tính từ mốc M3 giáp đất bà T đo thẳng về hướng nhà đất ông S 11,4m).

+ Hướng tây giáp lộ làng 11,1m (tính từ mốc M2 giáp đất bà T đo thẳng về hướng nhà đất ông S 11,1m).

+ Hướng nam giáp ông S 16m.

+ Hướng bắc giáp bà T 14,7m

(Kèm theo bản đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15 tháng 02 năm 2016).

Đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất mà mình được sử dụng theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông S về việc yêu cầu công nhận diện tích 186m², thuộc thửa 335, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Phú T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp cho ông và không chấp nhận buộc bà Y, bà T, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S di dời các mô tơ gắn liền ống nước, cây trồng và các tài sản khác ra khỏi đất.

Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí:

- Ông S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, vì ông S là người cao tuổi, bà K, chị H, chị T5, chị H1 phải chịu 1.612.000 đồng.

- Trả lại cho ông S 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 05609 ngày 30/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

- Trả lại cho bà Y, bà T, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm như sau: 1.957.000 đồng theo biên lai số 021579 ngày 22/12/2015, 200.000 đồng theo biên lai số 021694 ngày 20/4/2016, 200.000 đồng theo biên lai số 05523 ngày 19/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

Về chi phí tố tụng: Ông S, bà K, chị H, chị T, chị H1 phải trả lại cho bà Y, bà T, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S 1.839.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2017 bị đơn Huỳnh Văn S có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông, công nhận diện tích 186m² thuộc thửa số 335, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại xã Phú T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp cho ông, buộc bà Y, bà T, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S di dời các mô tơ gắn liền ống nước, cây trồng và các tài sản khác ra khỏi đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu ông S và các thành viên trong hộ ông S trả lại cho các nguyên đơn diện tích đất 170m² như án sơ thẩm đã xử.

Ông S giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông, buộc các nguyên đơn di dời mô-tơ, đường ống bơm nước và cây trồng trên đất trả cho ông S được quyền sử dụng 186m² đất.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 186m^2 , bên nguyên đơn tự nguyện cho bên bị đơn phần đất thuộc mái chái nhà 16m^2 , còn lại tranh chấp 170m^2 , thuộc thửa 335, tờ đồ số 3, chưa cấp giấy, chưa xác định loại đất, hiện trạng đất do bên ông S quản lý, trên đất có cây trồng, máy bơm và ống nước của bên bà Y, có chuồng heo và xây bản đô bó nền của bên ông S. Các tài sản đã cũ, không còn sử dụng và hư hỏng, các bên thống nhất không định giá, giá đất là $200.000\text{đ}/\text{m}^2$.

[2]. Nguồn gốc và diễn biến sử dụng có đủ căn cứ xác định là đất của ông bà nội của các bên đương sự phân chia cho con là ông P (cha của các nguyên đơn), trước khi chia thì ông nội cho con lớn là ông N (cha của bị đơn S) ra riêng cất nhà ở, sau khi ông nội chết thì bà nội K chính thức phân chia đất cho 2 con trai là N và P mỗi người phân nửa bề ngang miếng đất, từ trên lộ ra sau đồng và qua lộ xuống đến mép sông, từ đó ông N dời nhà lên phía trên lộ bên phần đất được chia cất lại nhà ở, phía lộ xuống sông phần bên ông N được chia thì ông N cho con là ông S cất nhà ở đến nay, chỗ nền nhà cũ ông N liền kề nhà ông S thuộc phần chia cho ông P thì ông P cho ông G thuê một phần để vật liệu xây dựng bán, còn một phần có cho ông S cất tạm chuồng nuôi heo và phía ranh giáp nhà bà T có cho bà T cất tạm mái chái nhà bếp, sau khi ông G hết hạn thuê, trả mặt bằng thì ông S bao chiếm luôn, không cho bên gia đình bà Y sử dụng dẫn đến tranh chấp. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm thì bà T đã có lời khai xác định khi cất chái nhà bà có hỏi ông P và đã tự nguyện tháo dỡ mái chái nhà bếp, trả đất lại cho bên các nguyên đơn, bà T đã xây dựng tường nhà cập sát ranh đất (theo mốc M2 và M3 trên sơ đồ đo đạc), vậy nên phần đất tranh chấp 170m^2 không còn liên quan đến bà T. Ông G thì có lời khai xác định và có văn bản hợp đồng chứng minh thuê đất của ông P; cũng như ông T là anh ruột ông S cũng có lời khai xác định đất tranh chấp là đất của bà nội chia cho chú P; mặt khác, trong quá trình sử dụng ông S đã kê khai, đăng ký phần đất ông đang sử dụng ở, được cấp giấy rồi, còn đất tranh chấp liền kề này ông S không đăng ký, đã chứng tỏ không phải đất của ông S. Từ những chứng cứ này chứng minh đất tranh chấp là thuộc phần được chia hưởng của ông P, nay ông P đã chết, nên các con ông P đòi bị đơn S trả lại cho họ là có căn cứ.

[3]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên có đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn, buộc ông S và những người liên quan trong hộ trả đất lại cho các nguyên đơn là phù hợp pháp luật. Ông S kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu phản tố của ông, buộc bên nguyên đơn di dời mô tơ đường ống bơm nước, cây trồng trả cho ông S quyền sử dụng 186m^2 đất là không có căn cứ, không chấp nhận.

[5]. Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[6]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, do phần quyết định của án sơ thẩm tuyên dài dòng, không rõ ràng, cấp phúc thẩm cần thiết phải sửa cách tuyên án cho cụ thể rõ ràng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 100, Điều 166, Điều 170 Luật đất đai 2013; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 30/9/2017, của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Huỳnh Văn Q, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Quốc T2, bà Huỳnh Thị Hạnh Đ, bà Huỳnh Đình Kim S đối với ông Huỳnh Văn S và các thành viên trong hộ gia đình ông S. Buộc ông Huỳnh Văn S và các thành viên trong hộ là bà Nguyễn Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Ngọc H, chị Huỳnh Thị Thu T3, chị Huỳnh Thị Bé H di dời chuồng heo và các vật kiến trúc khác ra khỏi đất, trả đất lại cho bà Y, bà T, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S diện tích 170m², thuộc thửa số 335, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Vị trí như sau:

+ Hướng đông giáp sông Cửu Long 11,4m (tính từ điểm mốc M3 kéo thẳng về hướng mốc M4, còn cách mốc M4 là 01m).

+ Hướng tây giáp lộ làng 11,1m (tính từ mốc M2 đo về hướng mốc M5 theo từng đoạn có số đo 1,4m + 2,45m + 6m + 1,25m = 11,1m).

+ Hướng nam giáp ông S 16m.

+ Hướng bắc giáp bà T 14,7m.

(Kèm theo bản đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15 tháng 02 năm 2016).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông S, bà K, chị H, chị T3, chị H đối với bà Y, bà T, ông Quyền, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S về yêu cầu công nhận cho ông S diện tích đất 186m², thuộc thửa 335, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và buộc bà Y, bà T1, ông Q, bà T1, ông T2, bà Đ, bà S di dời các đồ vật như: mô tơ, hệ thống ống nước, cây trồng và vật kiến trúc khác ra khỏi đất.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Ngọc H, chị Huỳnh Thị Thu T3, chị Huỳnh Thị Bé H phải liên đới chịu 1.612.000 đồng (Một triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

- Trả lại cho ông Huỳnh Văn S 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 05609 ngày 30/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

- Trả lại cho bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Huỳnh Văn Q, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Quốc T2, bà Huỳnh Thị Hạnh Đ, bà Huỳnh Đình Kim S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm như sau: 1.957.000 đồng theo biên lai số 021579 ngày 22/12/2015, 200.000 đồng theo biên lai số 021694 ngày 20/4/2016, 200.000 đồng theo biên lai số 05523 ngày 19/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Ngọc H, chị Huỳnh Thị Thu T3, chị Huỳnh Thị Bé H cùng liên đới nghĩa vụ chịu trả lại cho bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Huỳnh Văn Q, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Quốc T2, bà Huỳnh Thị Hạnh Đ, bà Huỳnh Đình Kim S 1.839.000 đồng.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn S được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 05747 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- CCTHADS huyện Hồng Ngự;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương